

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	384.32 ↓	-2.23	-0.58%
KLGD (triệu ck)	26.08 ↓	-3.83	-12.81%
GTGD (tỷ đồng)	357.49 ↓	-121.23	-25.32%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↑	0.00	0.00%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↑	0.00	0.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.94 ↓	-0.83	-29.94%
KL bán (triệu ck)	2.55 ↓	-0.18	-6.66%
Giá trị mua (tỷ đồng)	48.12 ↓	-31.27	-39.38%
Giá trị bán (tỷ đồng)	65.84 ↓	-21.74	-24.83%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	405	**
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		
* Yếu		
** Trung Bình		
*** Mạnh		
**** Rất mạnh		

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Nhận định thị trường:

Thị trường tiếp tục có phiên giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp. HSX giảm 2.33 điểm, chỉ với 26 triệu cổ phiếu giao dịch. HNX giảm 0.33 điểm với 20 triệu cổ phiếu giao dịch. LCG, TDH, ITA, KBC tiếp tục bị bán mạnh với giá sàn hoặc gần sàn.

Về kinh tế vĩ mô và tin tức: không có thêm những tin tức mới mang tính đột phá, tuy nhiên, tin xấu vẫn đang là xu hướng chính trên thị trường:

- làm phát có xu hướng tăng cao trở lại, với việc giá điện, giá lương thực, dầu mỡ vẫn tăng và đứng ở mức cao cho thấy lạm phát vẫn là thách thức với kinh tế vĩ mô và là yếu tố cản trở thị trường chứng khoán phát triển bền vững, vì thị trường khó bền vững khi mà lạm phát vẫn ở mức cao xấp xỉ 10%/năm.
- Kinh tế tăng trưởng chậm với dự đoán GDP cả năm 2012 chỉ đạt 5-5.5%/năm, thậm chí có những so sánh cho rằng kinh tế Việt nam xấu như kinh tế Indonesia năm 1997. Sự so sánh như vậy là khập khiễng tuy nhiên các doanh nghiệp bất động sản, xây dựng, đầu tư tài chính đang có một năm 2012 tồi tệ và chưa thấy triển vọng khi mà nền kinh tế chưa tăng trưởng khiến thu nhập người dân vẫn thấp, không có tiền đầu tư. Việc bán tháo hàng hóa của một số doanh nghiệp vẫn có thể sẽ tiếp tục diễn ra.
- Các vấn đề gần đây của một số doanh nghiệp liên quan đến kết quả hoạt động, pháp luật vẫn là yếu tố khiến nhiều cổ phiếu bị bán tháo với giá sàn, gần sàn.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	53.94	↓ -0.33	-0.61%
KL GD (triệu ck)	21.56	↓ -1.38	-6.02%
GT GD (tỷ đồng)	136.57	↓ -32.57	-19.26%
Tổng cung (triệu ck)	36.50	↓ -6.15	-14.42%
Tổng cầu (triệu ck)	33.39	↑ 6.00	21.91%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.23	↑ 0.76	157.96%
KL bán (triệu ck)	0.51	↑ 0.18	54.93%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.32	↑ 2.62	39.19%
Giá trị bán (tỷ đồng)	5.96	↑ 1.69	39.71%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	55	*
Kháng cự 2	57	**
Kháng cự 3	62,39	***
Hỗ trợ 1	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 2		
Hỗ trợ 3		

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

**** Rất mạnh

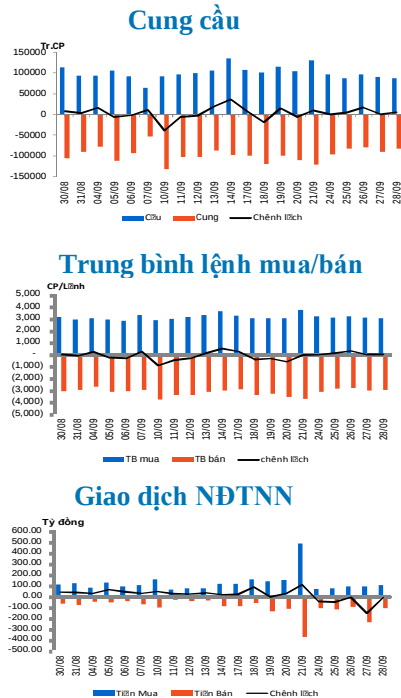
Thanh khoản

KL GD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	23,155,610
Bình quân 25 phiên	24,864,740
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	15,358,600
Phiên gần nhất	20,360,700

Nhận định thị trường:*Đồ thị HNX-Index.*

Về phân tích kỹ thuật: sau khi HNX phá đáy 55 điểm, đầu giờ sáng nay, thị trường có sự phục hồi nhẹ để kiểm nghiệm lại mốc vừa phá 55 điểm. Đây là xu hướng thường thấy trên thị trường sau khi phá hỗ trợ mạnh. RSI(15) của HNX là 26 điểm cho thấy thị trường rơi vào trạng thái bán quá (oversold), tuy nhiên, xu hướng giảm giá còn có thể tiếp diễn trong thị trường bán quá (oversold) với mức độ giảm từ từ và thanh khoản thấp.

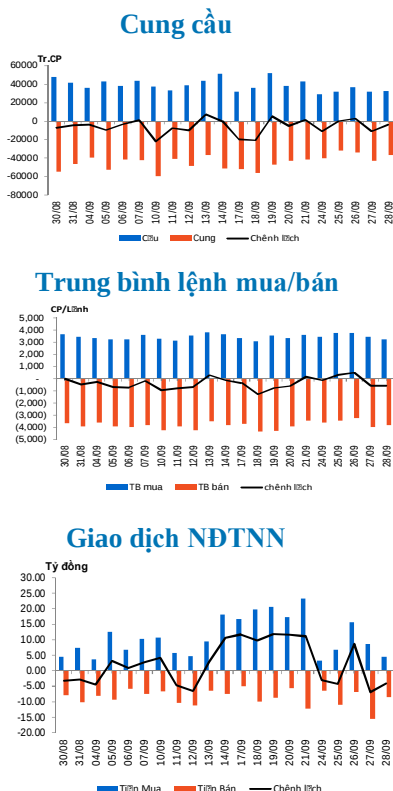
Tổng quan thị trường: thị trường vẫn đang giảm nhẹ với thanh khoản thấp. Đây là xu hướng thường diễn ra khi thị trường đang dò đáy. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy, thị trường thường sẽ tiếp tục giảm nhẹ với thanh khoản thấp kéo dài hàng tháng, cho đến khi tìm thấy đáy trung hạn. Trong quá trình giảm sẽ có những con sóng nhỏ với thanh khoản thấp kéo dài từ 1-2 phiên cho đến 10-15 phiên, nhưng không phải là sự phục hồi trung hạn và nhà đầu tư mua vào bắt đáy sẽ thường thua lỗ. Vì vậy, chúng tôi tiếp tục khuyên nhà đầu tư nên thận trọng đứng ngoài thị trường, đáy trung hạn của thị trường có thể xuất hiện sau một vài tháng nữa. Nhà đầu tư dài hạn nên từ từ giải ngân mua vào các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh và tài chính tốt, trả cổ tức hàng năm tốt. Một số cổ phiếu có thể đầu tư trung dài hạn như: PVS, PET, PXS, PGD, AAA.

HSX:**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau 3 phiên giảm điểm liên tiếp, mở cửa thị trường đăng tăng điểm trở lại với thanh khoản yếu. VNIndex tăng 0,84 điểm (0,22%) lên 387,39 điểm. Gần 3 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, giá trị hơn 33 tỷ đồng. Trong suốt thời gian còn lại, VN-Index cố gắng phục hồi nhưng vẫn tạm dừng ở mức 384,52 điểm, giảm 2,03 điểm (0,53%). KLGD cả sàn đạt 17,4 triệu cổ phiếu với giá trị hơn 222 tỷ đồng. Trong nhóm VN30, BVH giảm nhất, 1.000 đồng/cp xuống giá 29.800 đồng. ITA, OGC và PVF giảm sàn và gần như không còn dư mua khi kết thúc phiên sáng nay.

Sang phiên buổi chiều, giao dịch tại các nhóm cổ phiếu chủ chốt tiếp tục khiến thị trường chìm trong sắc đỏ, VN-Index giảm 0.58% về 384.32 điểm, khối lượng khớp lệnh đạt 25.5 triệu đơn vị, giá trị 357 tỷ đồng.

Các cổ phiếu tăng đột biến khác gồm có VPK, KDH, DHM. 5 cổ phiếu trong VN30 tăng giá gồm DRC, MBB, PVD, REE và SBT, trong đó PVD tăng mạnh nhất 1.100 đồng/c

HNX:**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Đầu phiên, tương tự sàn HSX, HNXIndex tăng 0,15 điểm (0,28%) lên mức 54,42 điểm với thanh khoản hơn 4,1 triệu đơn vị, giá trị 22 tỷ đồng., cổ phiếu FLC đang có khối lượng khớp lệnh lớn nhất với gần 1 triệu đơn vị, chiếm gần 30% tổng khối lượng toàn sàn (lúc 9h30). FLC đang giao dịch ở giá 4.600 đồng/cp, giảm 200 đồng.

Tuy nhiên sau những phút đầu hưng thập, HNX lại quay đầu giảm điểm, lập kỷ lục mức thấp mới trong lịch sử ở mốc 54 điểm. Cổ phiếu CTCK hạng nhỏ, xây dựng như PVX, VCG,... đều giảm điểm, trong khi ACB chỉ duy trì được mức tham chiếu. Chốt phiên sáng, chỉ số giảm 0,21 điểm (0,39%) xuống 54,06 điểm. Thanh khoản tại HNX đạt 13, triệu cổ phiếu, giá trị 84 tỷ đồng.

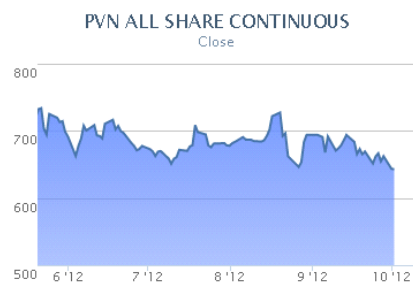
Sang phiên chiều, giao dịch tiếp tục yếu khiến HNX-Index giảm 0.61%, xuyên thủng mốc 54 về 53.94 điểm, khối lượng đạt 20.3 triệu đơn vị, tương đương 136 tỷ đồng

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

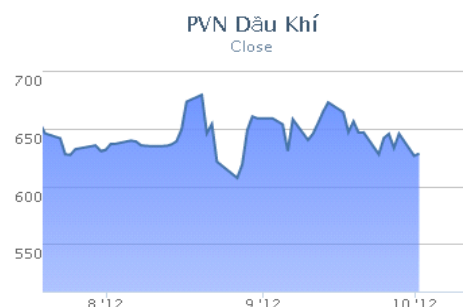
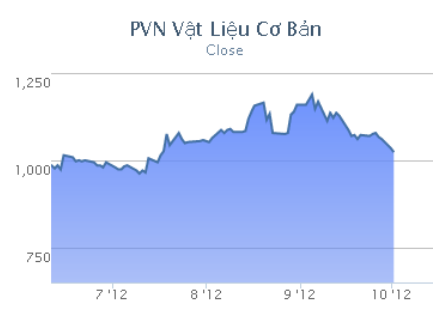
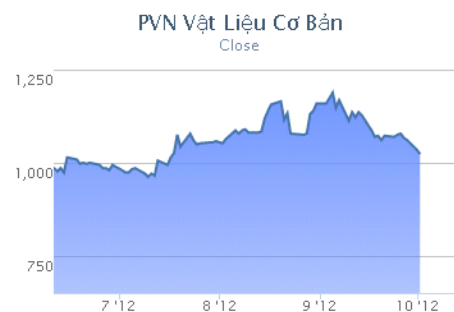


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	687.22	↑ 0.92	↑ 0.13
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	643.16	↓ -0.28	↓ -0.04
PVN ALLSHARE	625.66	↓ -0.27	↓ -0.04
PVN ALLSHARE HNX	477.18	↑ 0.18	↑ 0.04
PVN ALLSHARE HSX	683.65	↓ -0.36	↓ -0.05
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1023.19	↓ -11.59	↓ -1.12
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	767.61	↑ 21.13	↑ 2.83
PVN Tài Chính	435.33	↓ -9.64	↓ -2.17
PVN Công Nghiệp	286.06	↓ -3.64	↓ -1.26
PVN Dầu Khí	628.36	↑ 2	↑ 0.32
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	750.65	↑ 18.62	↑ 2.54

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNB	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNC	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNF	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNI	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNO	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNU	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 7 mã cổ phiếu đứng giá, 11 cổ phiếu tăng giá và 10 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,14% và tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 7 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 02/10:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	3,900.0	-	0.00	0.34	10.54	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,900.0	7,400	3.57	0.28	26.36	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,200.0	86,500	-4.35	0.13	0.22	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,400.0	259,400	1.16	1.43	1.16	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,100.0	27,000	1.43	0.66	4.49	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,400.0	15,200	-2.86	0.34	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	11,300.0	103,000	1.80	0.67	1.69	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	8,900.0	7,000	-1.11	1.56	4.06	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,300.0	117,500	1.22	0.53	5.97	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,700.0	11,200	0.00	0.67	7.93	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,700.0	8,000	5.71	0.36	1.74	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,400.0	389,520	0.65	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,000.0	2,532,214	-2.44	0.18	1.50	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,700.0	247,380	0.00	3.12	12.40	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	35,300.0	996,620	-1.12	2.11	5.70	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,300.0	114,520	1.49	1.25	3.32	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	5,500.0	46,590	-1.79	0.47	4.01	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10,900.0	282,460	2.83	0.62	2.68	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,600.0	297,060	2.66	1.89	5.45	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,200.0	288,320	-4.35	0.21	1.71	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,700.0	254,550	3.27	1.17	6.82	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7,200.0	689,610	-4.00	0.63	9.11	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	3,900.0	265,250	0.00	0.40	35.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	3,900.0	39,450	-2.50	0.37	2.60	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,200.0	118,470	-4.35	0.20	1.15	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8,700.0	68,200	0.00	0.66	2.61	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,000.0	24,000	0.00	0.37	2.63	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	35,700	35,300	-1.12	35,402,191
EIB	14,400	14,300	-0.69	27,034,308
VNM	116,000	114,000	-1.72	17,486,330
SSI	15,700	15,400	-1.91	17,410,923
HAG	20,300	20,300	0.00	12,206,020

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
KLS	7,600	7,600	0.00	14,257
VND	8,300	8,300	0.00	13,673
FLC	4,800	5,100	6.25	11,512
ACB	15,900	15,800	-0.63	10,758
PVX	4,100	4,000	-2.44	10,161

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,200	1,300	100	8.33
VNI	4,000	4,200	200	5.00
SPM	26,000	27,300	1,300	5.00
DHM	12,000	12,600	600	5.00
NAV	6,100	6,400	300	4.92

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCH	1,100	1,200	100	9.09
RHC	12,100	12,900	800	6.61
VCM	9,500	10,100	600	6.32
ILC	4,800	5,100	300	6.25
FLC	4,800	5,100	300	6.25

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	1,300	1,200	-100	-7.69
BTP	6,000	5,700	-300	-5.00
SEC	24,000	22,800	-1,200	-5.00
BSI	4,100	3,900	-200	-4.88
VFMVF4	4,200	4,000	-200	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,100	1,000	-100	-9.09
THV	1,200	1,100	-100	-8.33
SHN	1,200	1,100	-100	-8.33
DL1	8,600	8,000	-600	-6.98
HTC	14,400	13,400	-1,000	-6.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	6,911	DPM	18,026
PVD	6,483	VIC	10,691
DPM	6,104	STB	7,167
PGD	5,150	HSG	7,103
HSG	3,176	GAS	4,294

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	4,774	BVS	1,437
IDJ	1,227	AAA	1,028
DBC	834	VNR	871
HUT	390	SDT	615
TDN	362	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339